CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP CNC Capital Việt Nam

Ngày 31/03/2025	3,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.1%	**-3.1%**	**-**

DT thuần
Q1/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.12| -100%
YoY: ▼1.90| -100%

LN thuần
Q1/25
-1.95
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.41| 55.3%
YoY: ▼3.94| -198%

LN sau thuế
Q1/25
-1.95
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.21| 53.1%
YoY: ▼3.94| -198%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25

ROE (TTM)
Q1/25
-3.1%
YoY: +/-▼ 1.5%

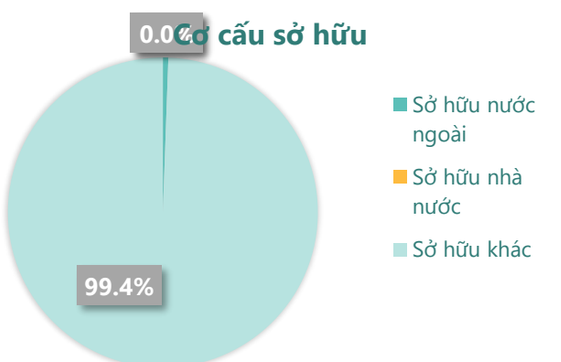
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,500 - 4,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	93
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,010
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.60
EPS	-280
P/E	-11.1

DT thuần
2024
7.45
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.11| 123%

LN thuần
2024
-4.64
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.7| -158%

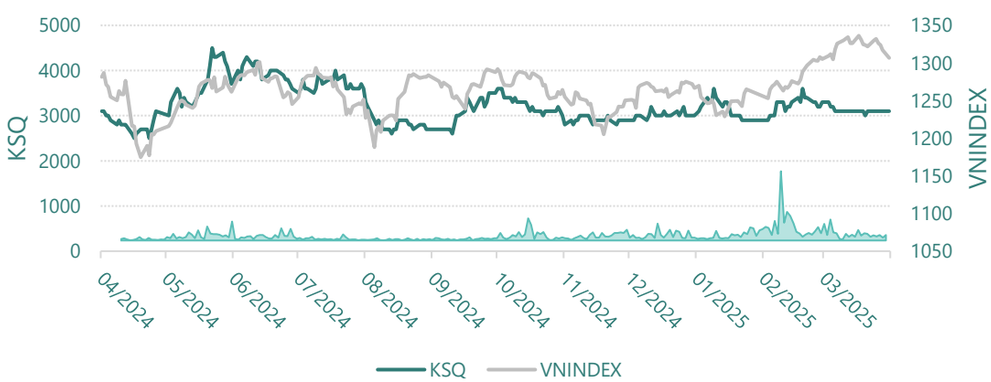
LN sau thuế
2024
-4.44
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.4| -156%

Cơ cấu sở hữu

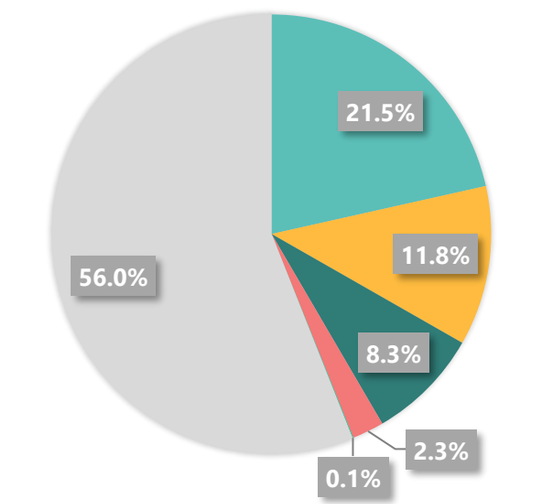


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



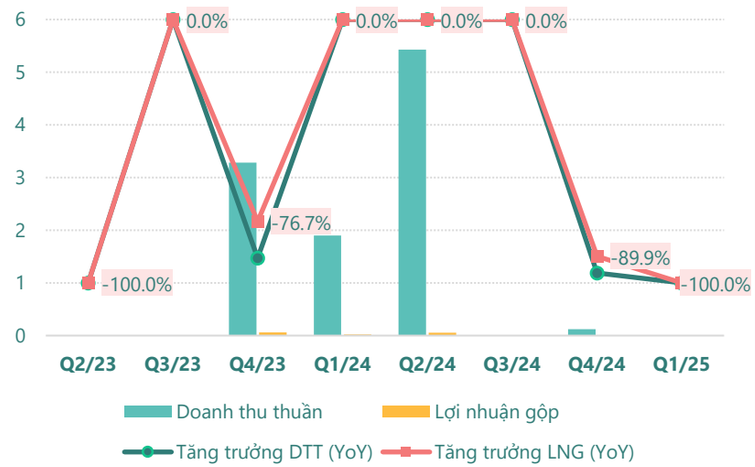
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

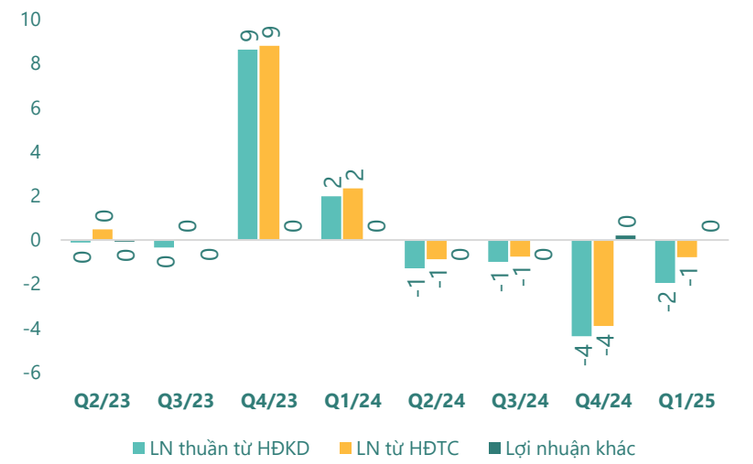
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



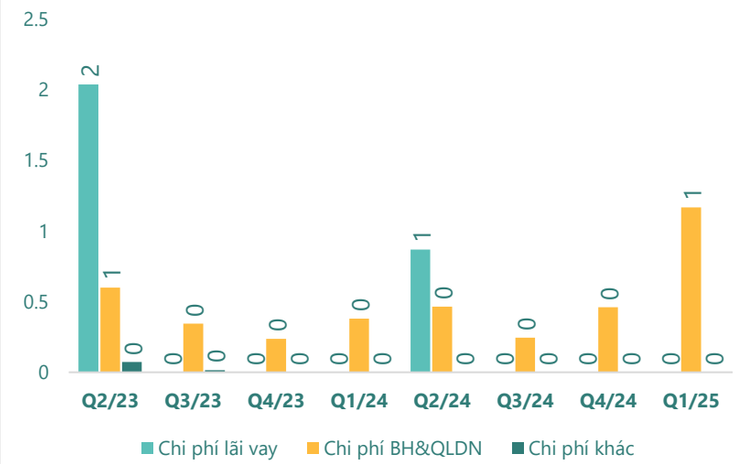
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



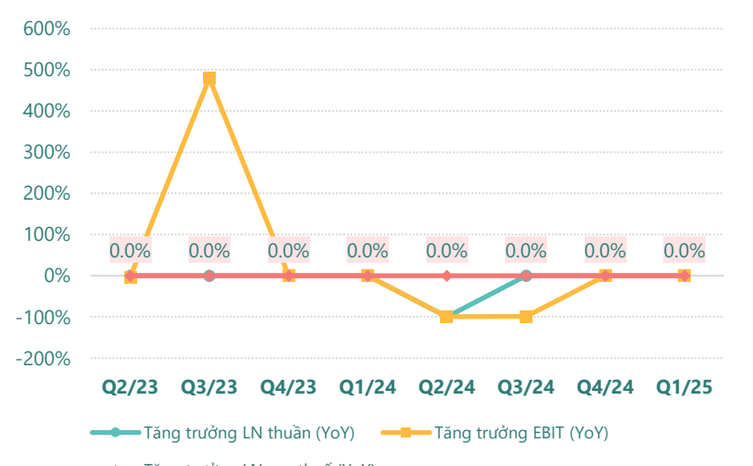
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



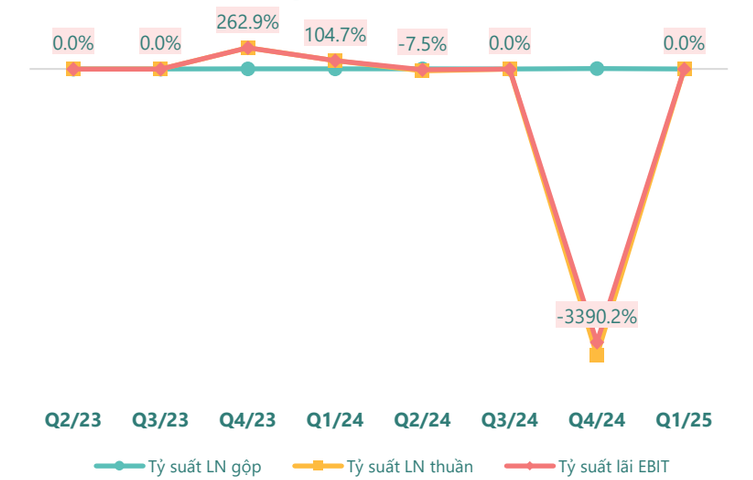
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



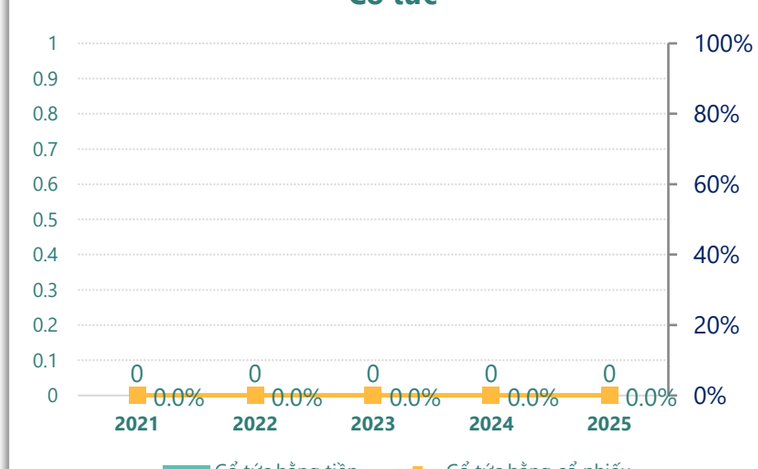
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

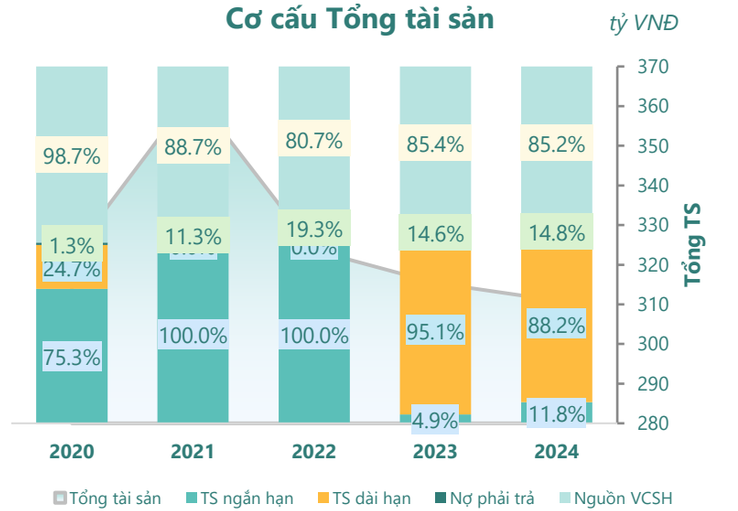
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

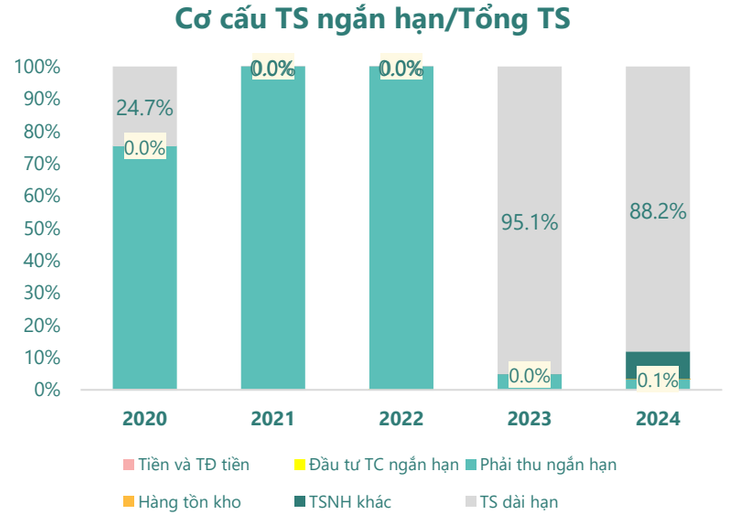
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



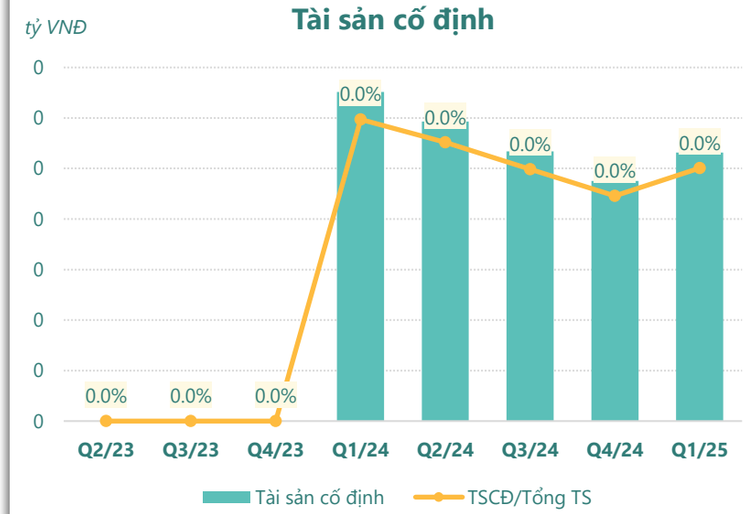
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



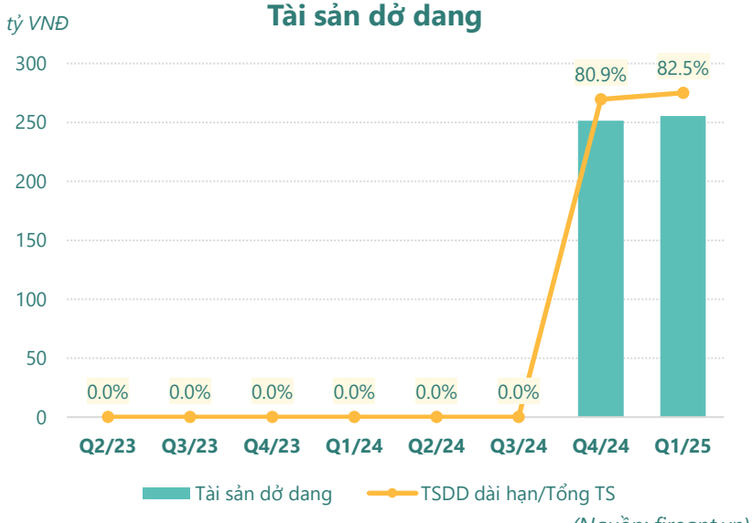
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



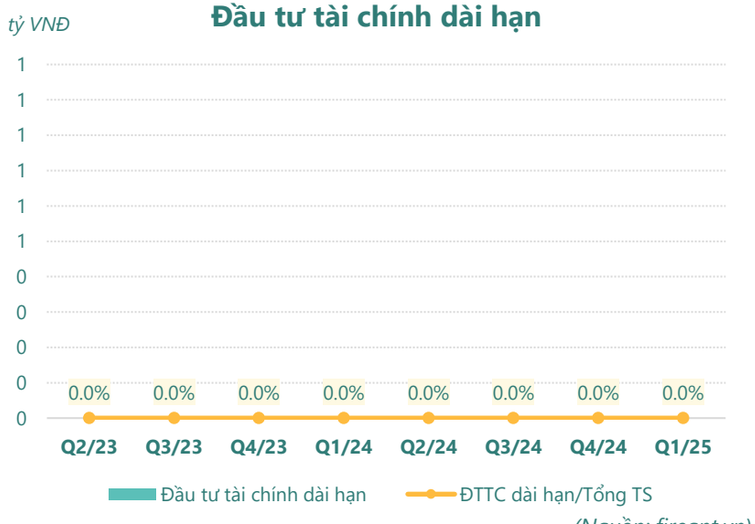
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



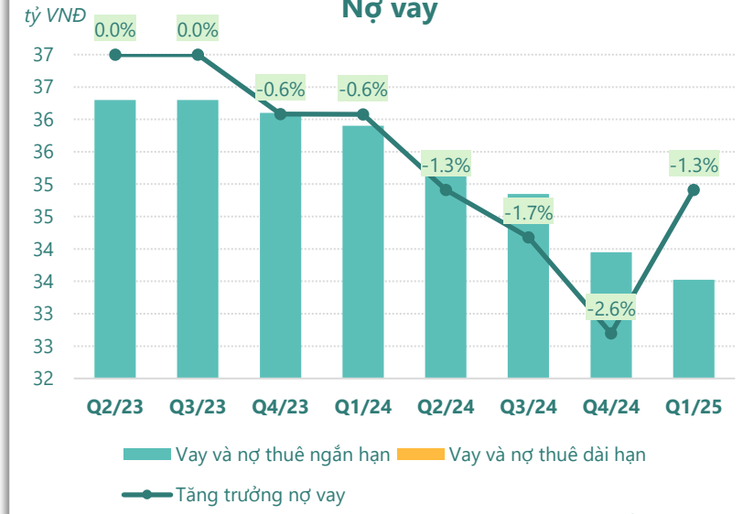
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

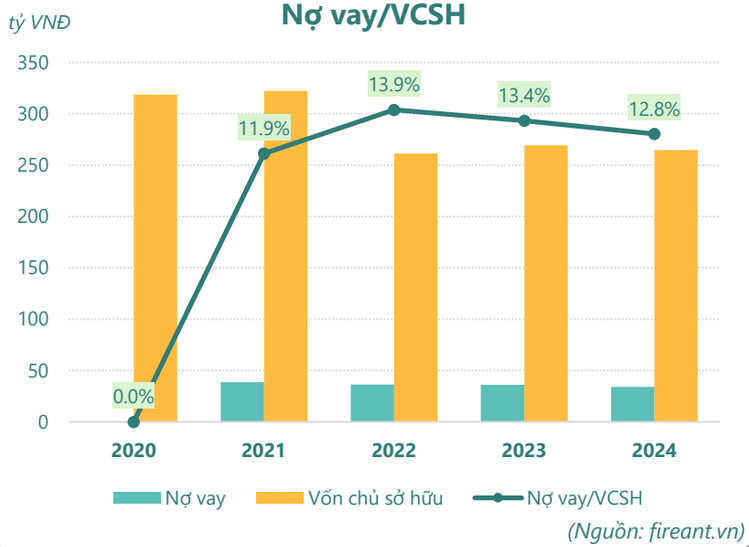
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

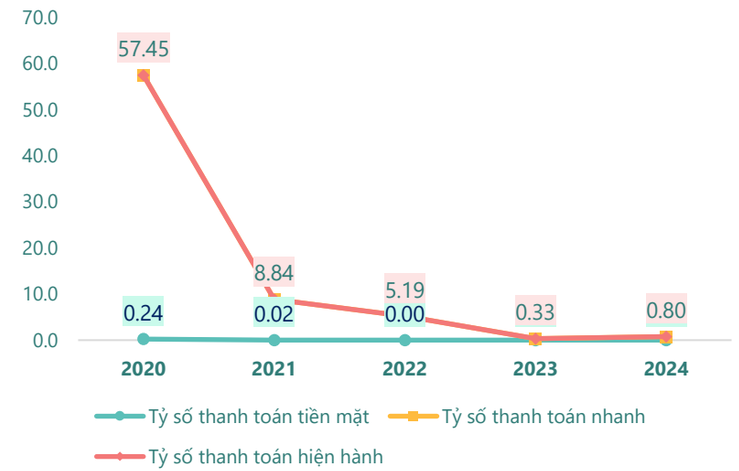
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



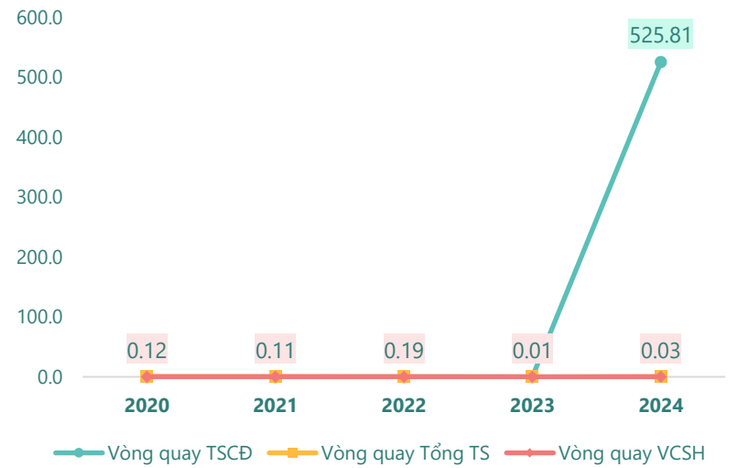
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



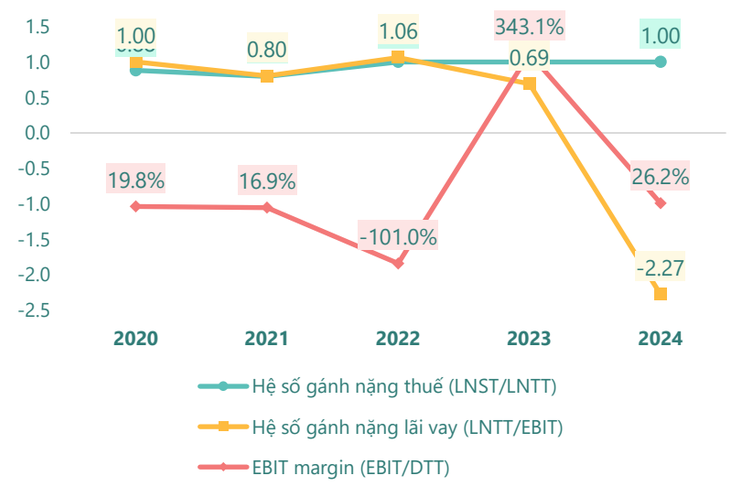
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



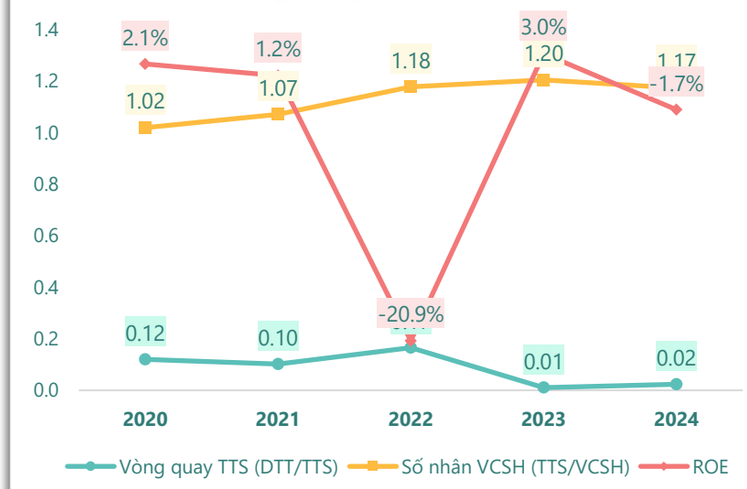
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



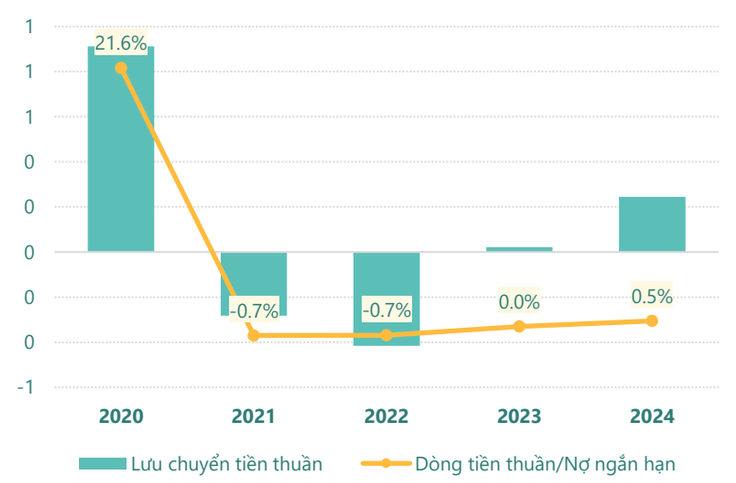
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**1.90**	**-100%**	**7.45**	**3.34**	**123%**
Giá vốn hàng bán	0	1.88	-100%	7.36	3.28	124%
Lợi nhuận gộp	0	0.02	-100%	0.09	0.05	59.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	3.22	-100.0%	3.22	12.8	-74.9%
Chi phí TC	0.78	0.87	-10.1%	6.40	3.51	82.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		6.40	3.51	82.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.17**	**0.38**	**207%**	**1.55**	**1.32**	**17.3%**
LN thuần từ HĐKD	-1.95	1.99	-198%	-4.64	8.02	-158%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.20**	**-0.09**	**328%**
LN trước thuế	-1.95	1.99	-198%	-4.44	7.94	-156%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.95**	**1.99**	**-198%**	**-4.44**	**7.94**	**-156%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.95**	**1.99**	**-198%**	**-4.44**	**7.94**	**-156%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.41	0.03	1.69	-0.60	1.28	0.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.20	-0.20	-0.45	-0.60	-0.90	-0.43
Tiền đầu kỳ	0.10	0.32	0.15	1.38	0.18	0.56
Lưu chuyển tiền thuần	**0.21**	**-0.17**	**1.24**	**-1.20**	**0.38**	**0.06**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.32	0.15	1.38	0.18	0.56	0.63

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**309**	**311**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	39.3	36.8	6.8%
Tiền và tương đương tiền	0.63	0.56	11.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	12.4	9.65	28.9%
Hàng tồn kho	0.24	0.24	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	26.0	26.4	-1.3%
Tài sản dài hạn	**270**	**274**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	14.7	22.6	-34.9%
Tài sản cố định	0.03	0.03	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	255	252	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.6	46.2	0.9%
Nợ ngắn hạn	**46.6**	**46.2**	**0.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.5	34.0	-1.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.60	1.59	0.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**263**	**265**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**263**	**265**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)